

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CƠ ĐIỆN NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGHỀ KỸ THUẬT XÂY DỰNG

MÃ NGHỀ: 6580201

TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 126/QĐ-CDNNMT-ĐT&HTQT ngày 20 tháng 3 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cơ điện Nông nghiệp và Môi trường)

Ninh Bình, Năm 2026

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Nghề: Kỹ thuật Xây dựng

Mã nghề: 6580201

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông và tương đương;

Thời gian đào tạo: 2,5 năm

1. Giới thiệu chương trình nghề đào tạo

Kỹ thuật xây dựng trình độ cao đẳng là nghề mà người hành nghề thực hiện các công việc quản lý, tổ chức thi công, giám sát thực hiện an toàn lao động và vệ sinh môi trường, giám sát và nghiệm thu các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp phục vụ đời sống của con người, đáp ứng yêu cầu bậc 5 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Người làm nghề Kỹ thuật xây dựng quản lý, giám sát, hướng dẫn người khác hoặc trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ xây, trát, lát, ốp, sơn, lắp đặt các cấu kiện loại nhỏ, lắp các thiết bị vệ sinh; gia công lắp dựng và tháo dỡ cốp pha, giàn giáo, làm cốt thép và đổ bê tông; tiến hành nghiệm thu các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; bảo đảm an toàn, đúng kỹ thuật, đúng tiến độ.

Các nhiệm vụ chính của nghề: quản lý, tổ chức thi công các hạng mục của công trình như: thi công đất, thi công phần xây thô, gia công, lắp dựng cốt thép, lắp dựng cốp pha - giàn giáo, thi công bê tông, thi công hoàn thiện công trình, giám sát thực hiện an toàn lao động và vệ sinh môi trường.

Đặc điểm môi trường làm việc: hầu hết các công việc của nghề Kỹ thuật xây dựng được thực hiện ngoài trời và ở trên cao nên đòi hỏi người làm nghề này phải có sức khỏe tốt, có khả năng làm việc trên cao, có độ tập trung, có kiến thức kỹ năng về bảo hộ an toàn, chuyên môn cao.

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo người học có kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu làm việc trong lĩnh vực xây dựng; có khả năng tổ chức, thi công, giám sát và quản lý các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; sử dụng được các thiết bị, công nghệ và phần mềm chuyên ngành; làm việc độc lập hoặc theo nhóm hiệu quả; đồng thời có ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, đạo đức nghề nghiệp và đảm bảo an toàn lao động.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Kiến thức:

+ Trình bày được các khái niệm, tiêu chuẩn trong vẽ kỹ thuật xây dựng;

+ Phân tích được các quy định của bản vẽ thiết kế công trình xây dựng và phương pháp đọc một bản vẽ thiết kế;

- + Trình bày được khái niệm về sinh thái học, hệ sinh thái, ô nhiễm môi trường, bảo vệ môi trường và các biện pháp bảo vệ môi trường; phương thức “xanh hóa” trong kỹ thuật xây dựng;
- + Trình bày được những kiến thức cơ bản về 5S trong lĩnh vực của ngành, nghề;
- + Phân tích được tính chất cơ, lý, hóa của các loại vật liệu, và cập nhật kiến thức về các loại vật liệu mới;
- + Trình bày được phương pháp tính toán khối lượng, vật liệu, nhân công và dự toán kinh phí cho các công việc được giao;
- + Trình bày được các nội dung cơ bản về kỹ thuật thi công đất, kỹ thuật xây, kỹ thuật hoàn thiện, kỹ thuật thi công cốt pha giàn giáo, kỹ thuật thi công cốt thép, kỹ thuật thi công bê tông: các công việc chủ yếu, yêu cầu kỹ thuật và nghiệm thu;
- + Trình bày được các nội dung cơ bản về quản lý thi công: trình tự, biện pháp thực hiện, những yêu cầu trong quá trình tổ chức thi công và tổ chức nghiệm thu;
- + Trình bày được các nội dung cơ bản về giám sát an toàn lao động và vệ sinh môi trường;
- + Trình bày được các yêu cầu kỹ thuật cho từng công việc của ngành, nghề;
- + Trình bày được các nội dung cơ bản về chính trị, pháp luật, giáo dục thể chất và quốc phòng an ninh.
- Kỹ năng:
 - + Đọc và phát hiện được các lỗi thông thường trong bản vẽ kỹ thuật, thi công xây dựng;
 - + Tổ chức thực hiện được các biện pháp bảo vệ môi trường trong cuộc sống và công việc của nghề;
 - + Tổ chức thực hiện được quy trình 5S trong tổ chức thi công xây dựng;
 - + Lựa chọn được vật liệu, phương tiện,... theo quy chuẩn công nghệ xây dựng xanh;
 - + Sử dụng thành thạo các loại máy, dụng cụ và một số thiết bị chuyên dùng trong nghề xây dựng;
 - + Thực hiện được công việc quản lý và tổ chức thi công bao gồm: lập biện pháp, tiến độ, dự trù khối lượng, dụng cụ, máy móc, phân công công việc, kiểm tra, giám sát an toàn, tiến độ thi công;
 - + Hướng dẫn, phổ biến, kiểm tra, giám sát và khắc phục được sai sót về an toàn lao động và vệ sinh môi trường;

+ Dự trù được vật tư; tổ chức thi công; kiểm tra, giám sát và nghiệm thu hoàn công được khi thi công đất, xây, hoàn thiện, thi công cốt pha - giàn giáo, thi công cốt thép, thi công bê tông;

+ Thực hiện thành thạo các công việc của nghề kỹ thuật xây dựng như: đào móng, xây gạch, trát, lát, láng, ốp, gia công, lắp dựng và tháo dỡ cốt pha, giàn giáo, gia công lắp đặt cốt thép, trộn đổ đầm bê tông, bả mát tít, sơn vôi, trắn tường thạch cao và một số công việc khác có liên quan theo yêu cầu kỹ thuật;

+ Đánh giá được tầm quan trọng của từng công đoạn trong mỗi công việc của ngành nghề;

+ Phát hiện được các sai hỏng, sự cố kỹ thuật và có phương án xử lý kịp thời;

+ Nghiệm thu được khối lượng và chất lượng công trình;

+ Lập được báo cáo tổng hợp trình cấp trên;

+ Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;

+ Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Thực hiện độc lập hoặc làm việc theo nhóm để giải quyết công việc của nghề trong điều kiện làm việc thay đổi;

+ Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ như quản lý thi công, giám sát an toàn lao động và vệ sinh môi trường và tổ chức thi công; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm khi thực hiện công việc;

+ Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm;

+ Có đạo đức nghề nghiệp, trung thực, thẳng thắn;

+ Xử lý được những vấn đề phức tạp của nghề nảy sinh trong quá trình làm việc.

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của nghề bao gồm:

- Quản lý thi công;

- Giám sát an toàn lao động và vệ sinh môi trường;

- Thi công đất;

- Xây;

- Hoàn thiện;

- Thi công cốt thép;

- Thi công cấp pha - giàn giáo;
- Thi công bê tông.

4. Khối lượng kiến thức và thời gian học tập

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 2640/118 (giờ/tín chỉ)
- Số lượng môn học, mô đun: 35
- Khối lượng học tập các môn học chung: 435/19 (giờ/tín chỉ)
- Khối lượng học tập các môn học, mô đun chuyên môn: 2205/99 (giờ/tín chỉ)
- Khối lượng lý thuyết: 884/63 (giờ/tín chỉ); thực hành, thực tập: 1663/54 (giờ/tín chỉ).

5. Tổng hợp các năng lực của nghề

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
I	Năng lực cơ bản (Năng lực chung)	
1	NLCB-01	Tiếng Anh
2	NLCB-02	Tin học cơ bản
3	NLCB-03	Chính trị
4	NLCB-04	Pháp luật
5	NLCB-05	Giáo dục quốc phòng - an ninh
6	NLCB-06	Giáo dục thể chất
7	NLCB-08	Bảo vệ môi trường
8	NLCB-09	Thực hiện 5S và các biện pháp an toàn khi làm việc
9	NLCB-10	Nhận biết các loại vật liệu xây dựng
10	NLCB-11	Sử dụng dụng cụ cầm tay
11	NLCB-12	Sử dụng dụng cụ đo, Kiểm tra
II	Năng lực cốt lõi (Năng lực chuyên môn)	
13	NLCL-01	Lập biện pháp thi công, tiến độ thi công công trình
14	NLCL-02	Dự trù khối lượng vật tư, dụng cụ, máy móc trang thiết bị thi công
15	NLCL-03	Phân công điều động cán bộ kỹ thuật, các tổ đội thi công
16	NLCL-04	Kiểm tra, quản lý chất lượng, an toàn lao động, tiến độ thi công của các tổ đội
17	NLCL-05	Điều chỉnh kế hoạch, tiến độ thi công
18	NLCL-06	Nghiệm thu, thanh quyết toán
19	NLCL-07	Xây dựng hệ thống quản lý công tác an toàn lao động và vệ sinh môi trường
20	NLCL-08	Lập kế hoạch triển khai thực hiện công tác an toàn lao động và vệ sinh môi trường

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
21	NLCL-09	Kiểm tra, giám sát thực hiện an toàn toàn lao động và vệ sinh môi trường
22	NLCL-10	Tổ chức tuyên truyền, đào tạo an toàn toàn lao động và vệ sinh môi trường
23	NLCL-11	Lập biện pháp, kế hoạch tiến độ thi công đất
24	NLCL-12	Lập biện pháp an toàn thi công đất
25	NLCL-13	Dự trữ vật tư và dụng cụ thi công đất
26	NLCL-14	Thi công đào đất
27	NLCL-15	Giám sát thi công đất
28	NLCL-16	Nghiệm thu khối lượng
29	NLCL-17	Lập biện pháp, kế hoạch tiến độ thi công xây thô
30	NLCL-18	Lập biện pháp an toàn thi công xây thô
31	NLCL-19	Dự trữ vật tư và dụng cụ thi công xây thô
32	NLCL-20	Tổ chức thi công xây thô
33	NLCL-21	Giác móng
34	NLCL-22	Trộn vữa
35	NLCL-23	Xây móng gạch
36	NLCL-24	Xây tường gạch
37	NLCL-25	Xây trụ gạch
38	NLCL-26	Xây bậc
39	NLCL-27	Xây tường gạch trang trí
40	NLCL-28	Xây gạch AAC
41	NLCL-29	Xây đá
42	NLCL-30	Lắp cấu kiện bê tông cốt thép
43	NLCL-31	Lắp tấm panel
44	NLCL-32	Giám sát kỹ thuật thi công xây thô
45	NLCL-33	Nghiệm thu thi công xây thô
46	NLCL-34	Lập biện pháp, kế hoạch tiến độ thi công hoàn thiện
47	NLCL-35	Lập biện pháp an toàn thi công hoàn thiện
48	NLCL-36	Dự trữ vật tư và dụng cụ thi công hoàn thiện
49	NLCL-37	Tổ chức thi công hoàn thiện
50	NLCL-38	Trát tường
51	NLCL-39	Trát trụ
52	NLCL-40	Trát dầm
53	NLCL-41	Chống thấm

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
54	NLCL-42	Láng nền
55	NLCL-43	Lát gạch
56	NLCB-44	Lát đá
57	NLCL-45	Lát sàn gỗ
58	NLCL-46	Ốp gạch
59	NLCL-47	Ốp đá
60	NLCL-48	Ốp gỗ
61	NLCL-49	Thi công họa giờ trang trí
62	NLCL-50	Thi công đóng trần, vách thạch cao
63	NLCL-51	Bả ma tít
64	NLCL-52	Lăn sơn nước
65	NLCL-53	Phun sơn
66	NLCL-54	Thi công giấy dán tường
67	NLCL-55	Lắp cửa
68	NLCL-56	Giám sát thi công hoàn thiện
69	NLCL-57	Nghiệm thu thi công hoàn thiện
70	NLCL-58	Lập biện pháp, kế hoạch tiến độ thi công cốt thép
71	NLCL-59	Lập biện pháp an toàn thi công cốt thép
72	NLCL-60	Dự trữ vật tư và dụng cụ thi công cốt thép
73	NLCL-61	Tổ chức thi công cốt thép
74	NLCL-62	Gia công cốt thép
75	NLCL-63	Lắp dựng cốt thép đài, cọc
76	NLCL-64	Lắp dựng cốt thép móng
77	NLCL-65	Lắp dựng cốt thép cột
78	NLCL-66	Lắp dựng cốt thép dầm sàn
79	NLCL-67	Giám sát thi công cốt thép
80	NLCL-68	Nghiệm thu thi công cốt thép
81	NLCL-69	Lập biện pháp, kế hoạch tiến độ thi công cốp pha - giàn giáo
82	NLCL-70	Lập biện pháp an toàn thi công cốp pha - giàn giáo
83	NLCL-71	Dự trữ vật tư và dụng cụ thi công cốp pha - giàn giáo
84	NLCL-72	Tổ chức thi công cốp pha - giàn giáo
85	NLCL-73	Thi công cốp pha gỗ cho móng
86	NLCL-74	Thi công cốp pha gỗ cho cột
87	NLCL-75	Thi công cốp pha gỗ cho dầm sàn
88	NLCL-76	Lắp dựng và tháo dỡ cốp pha thép cho cột

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
89	NLCL-77	Lắp dựng và tháo dỡ cốp pha thép cho dầm sàn
90	NLCL-78	Lắp dựng và tháo dỡ cốp pha tấm lớn
91	NLCL-79	Lắp dựng và tháo dỡ cốp pha nhựa
92	NLCL-80	Lắp dựng và tháo dỡ cốp pha nhôm
93	NLCL-81	Thi công giàn giáo gỗ, tre luồng.
94	NLCL-82	Thi công giàn giáo Tiệp.
95	NLCL-83	Thi công giàn giáo ống tuýp.
96	NLCL-84	Thi công giàn giáo Nêm.
97	NLCL-85	Thi công giàn giáo Pal.
98	NLCL-86	Giám sát thi công cốp pha - giàn giáo
99	NLCL-87	Nghiệm thu thi công cốp pha - giàn giáo
100	NLCL-88	Lập biện pháp, kế hoạch tiến độ thi công bê tông
101	NLCL-89	Lập biện pháp an toàn thi công bê tông
102	NLCL-90	Dự trữ vật tư & dụng cụ thi công bê tông
103	NLCL-91	Tổ chức thi công bê tông
104	NLCL-92	Trộn bê tông
105	NLCL-93	Thi công bê tông móng
106	NLCL-94	Thi công bê tông cột
107	NLCL-95	Thi công bê tông vách, lõi
108	NLCL-96	Thi công bê tông dầm, sàn
109	NLCL-97	Giám sát thi công bê tông
110	NLCL-98	Nghiệm thu thi công bê tông
III	Năng lực nâng cao	
111	NLNC-01	Xây cuốn vòm
112	NLNC-02	Trát trần
113	NLNC-03	Trát hèm, má cửa
114	NLNC-04	Trát vòm
115	NLNC-05	Trát phào
116	NLNC-06	Ốp các vật liệu mới
117	NLNC-07	Lợp mái
118	NLNC-08	Lắp dựng cốt thép cầu thang
119	NLNC-09	Lập trình, hướng dẫn sử dụng máy uốn CNC
120	NLNC-10	Thi công cốp pha gỗ cho cầu thang
121	NLNC-11	Thi công cốp pha trượt
122	NLNC-12	Thi công bê tông cọc khoan nhồi

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
123	NLNC-13	Thi công bê tông mái dốc
124	NLNC-14	Autocad

6. Nội dung chương trình

Mã MH/ MD	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành thực tập/thí nghiệm/ thảo luận	Thi/ Kiểm tra
I	Các môn học chung	19	435	157	255	23
MH01	Tiếng Anh	4	120	42	72	6
MH02	Tin học	3	75	15	58	2
MH03	Giáo dục chính trị	5	75	41	29	5
MH04	Pháp luật	2	30	18	10	2
MH05	Giáo dục quốc phòng và An ninh	3	75	36	35	4
MH06	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
II	Các môn học, mô đun chuyên môn	99	2205	727	1239	239
II.1	Môn học, mô đun cơ sở	33	555	356	147	52
MH07	Tiếng Anh chuyên ngành	3	45	27	14	4
MH08	An toàn lao động và bảo vệ môi trường	2	30	19	9	2
MH09	Vẽ kỹ thuật	3	60	30	24	6
MH10	Vật liệu xây dựng	2	30	27	0	3
MH11	Cấu tạo kiến trúc	4	75	51	17	7
MH12	Cơ xây dựng	2	30	15	12	3
MH13	Kết cấu xây dựng	3	60	30	24	6
MH14	Máy xây dựng	2	30	27	0	3
MH15	Công nghệ thi công	4	60	52	2	6
MH16	Tổ chức thi công	3	45	26	15	4
MH17	Dự toán	3	60	28	26	6
MH18	Tổ chức quản lý sản xuất	2	30	24	4	2

Mã MH/ MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành thực tập/thí nghiệm/ thảo luận	Thi/ Kiểm tra
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn	66	1650	371	1092	187
MĐ19	Trắc đạc	4	90	28	50	12
MĐ20	Đào móng	3	60	18	32	10
MĐ21	Xây các kết cấu cơ bản	5	120	20	86	14
MĐ22	Xây các kết cấu phức tạp	4	90	18	60	12
MĐ23	Lắp đặt cấu kiện	2	60	13	39	8
MĐ24	Trát các kết cấu cơ bản	4	90	28	50	12
MĐ25	Trát các kết cấu phức tạp	5	120	36	70	14
MĐ26	Chống thấm và lán nền, sàn	2	60	12	40	8
MĐ27	Lát, ốp gạch, đá	5	120	20	86	14
MĐ28	Lát, ốp gỗ - vật liệu mới	4	90	24	54	12
MĐ29	Họa tiết trang trí	2	60	10	42	8
MĐ30	Bả ma tít, sơn - trần, vách thạch cao	5	120	24	84	12
MĐ31	Thi công cốp pha - giàn giáo	4	90	20	58	12
MĐ32	Thi công cốt thép - bê tông	5	120	24	82	14
MĐ33	Autocad	4	90	28	50	12
MĐ34	Lợp mái	4	90	24	54	12
MĐ35	Thực tập tốt nghiệp	4	180	24	155	1
Tổng cộng		118	2640	902	1476	262

7. Hướng dẫn sử dụng chương trình.

- Giảng dạy các môn học chung bắt buộc.
- + Môn học Giáo dục Quốc phòng - An ninh; Tin học; Giáo dục thể chất; Pháp luật: Thực hiện theo Thông tư số: 10,11,12,13/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ Lao động – thương binh và xã hội.
- + Môn học Giáo dục chính trị: Thực hiện theo Thông tư số: 24/2018/TT-BLĐTBXH ngày 06/12/2018 của Bộ Lao động – thương binh và xã hội.

+ Môn học Tiếng Anh: Thực hiện theo Thông tư số 03/2019/TT-BLĐTBXH ngày 17/01/2019 của Bộ Lao động – thương binh và xã hội.

- Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo đối với đào tạo theo niên chế.

Thực hiện theo Quy chế tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số: 95/QĐ-CĐNNMT-ĐT&HTQT ngày 16 tháng 3 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cơ điện Nông nghiệp và Môi trường.

- Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo đối với đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tích lũy tín chỉ.

Thực hiện theo Quy chế tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số: 95/QĐ-CĐNNMT-ĐT&HTQT ngày 16 tháng 3 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cơ điện Nông nghiệp và Môi trường.

- Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo đối với những nội dung thực hiện bằng hình thức trực tuyến.

Mã MH/ MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (Giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành, thực tập	Thi/ Kiểm tra
MH01	Tiếng Anh	4	120	42	72	6
MH03	Chính trị	5	75	41	29	5
MH04	Pháp luật	2	30	18	10	2
MH07	Anh văn chuyên ngành	3	45	27	14	4
MH08	An toàn lao động và bảo vệ môi trường	2	30	19	9	2
MH09	Vẽ kỹ thuật	3	60	30	24	6
MH10	Vật liệu xây dựng	2	30	27	0	3
MĐ20	Đào móng	3	60	18	32	10
MĐ30	Bả ma tít, sơn - trần, vách thạch cao	5	120	24	84	12

- Nội dung tổ chức đào tạo tại Doanh nghiệp.

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (Giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý Thuyết	Thực hành/ thực tập	Thi/ Kiểm tra
MĐ21	Xây các kết cấu cơ bản	5	120	20	86	14
MĐ22	Xây các kết cấu phức tạp	4	90	18	60	12

MĐ23	Lắp đặt cầu kiện	2	60	13	39	8
MĐ24	Trát các kết cấu cơ bản	4	90	28	50	12
MĐ25	Trát các kết cấu phức tạp	5	120	36	70	14
MĐ26	Chống thấm và láng nền, sàn	2	60	12	40	8
MĐ27	Lát, ốp gạch, đá	5	120	20	86	14
MĐ28	Lát, ốp gỗ - vật liệu mới	4	90	24	54	12
MĐ29	Họa tiết trang trí	2	60	10	42	8
MĐ30	Bả ma tít, sơn - trần, vách thạch cao	5	120	24	84	12
MĐ31	Thi công cấp pha - giàn giáo	4	90	20	58	12
MĐ32	Thi công cốt thép - bê tông	5	120	24	82	14
MĐ35	Thực tập tốt nghiệp	4	180	24	155	1

- Nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa.

Thời gian cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa vào thời điểm thích hợp, bao gồm:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hoá, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng. Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện. Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Thăm quan, dã ngoại	Mỗi năm học 1 lần

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên, định kỳ và thi kết thúc môn học, mô đun.

Thực hiện theo Quy chế tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số: 95/QĐ-CDNNMT-ĐT&HTQT ngày 16 tháng 3 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cơ điện Nông nghiệp và Môi trường.

- Thi tốt nghiệp, xét công nhận tốt nghiệp.

+ Thi tốt nghiệp: Nội dung thi tốt nghiệp bao gồm: Môn Lý thuyết chuyên môn và môn thi Thực hành.

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Lý thuyết chuyên môn	Viết	Không quá 180 phút
2	Thực hành	Làm bài thực hành kỹ năng tổng hợp	Không quá 8 giờ

+ Xét công nhận tốt nghiệp: Người học được công nhận tốt nghiệp khi đáp ứng các quy định trong Quy chế tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo hình thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số: 95/QĐ-CDNNMT-ĐT&HTQT ngày 16 tháng 3 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cơ điện Nông nghiệp và Môi trường.

HIỆU TRƯỞNG



Dương Văn Cường